

Bản án số: **89/2021/DS-PT**

Ngày: 27/ 01/2021

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/TBTL-VA ngày 09/10/2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 691/2021/QĐ-PT ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần T, sinh năm 1964; bà Phan Thị L, sinh năm 1967, cùng địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn Tây, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Tây A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; ông T có mặt, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Phạm T T, sinh năm 1993, trú tại: tỉnh Quảng Bình (theo Văn bản uỷ quyền được chứng thực tại Phòng Tư pháp huyện L ngày 06 tháng 7 năm 2020); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu dân cư số 1, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Đ, Khu dân cư số 1, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (theo Văn bản uỷ quyền ngày 10/8/2020); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H (P), bà Trần Thị L1, cùng địa chỉ: Khu dân cư số 3, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư thôn Đông A), huyện L tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Khu dân cư số 1, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1990, địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

4. Anh Trần X, sinh năm 1986; chị Trần Thị T, sinh năm 1993; anh Trần D, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 8, thôn Tây, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Tây A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

7. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1992, địa chỉ: Khu dân cư số 1, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A), huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019, văn bản trình bày ý kiến, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Trần T lập gia đình với bà Phan Thị L và có với nhau 04 người con là Trần X, Trần Thị T1, Trần Thị T và Trần D. Vào năm 2000, Nhà nước có chính sách sử dụng, mở rộng khai thác có hiệu quả đối với quỹ đất còn trống nhằm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện chủ trương đó, UBND xã L (sau đổi tên thành xã A), huyện L động viên các hộ dân có khó khăn về chỗ ở, chưa có đất di dân đến cư trú những vùng đất còn hoang hóa trên địa bàn. Trong danh sách những hộ, cá nhân được động viên, xét duyệt, ban đầu có bà Phạm Thị T nhưng sau khi bốc thăm vị trí thửa đất, bà T chệch đất xấu không nhận nên sau đó UBND xã L đã chỉ thửa đất này (nay là thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư Thôn Đông A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi) cho ông Trần T, bà Phan Thị L. Khi chỉ đất, UBND xã L yêu cầu gia đình ông T phải làm nhà thì mới được cấp đất, cấp tiền hỗ trợ của Nhà nước. Sau đó, gia đình ông đã xây cất nhà trên đất và được chính quyền cấp số tiền hỗ trợ theo quy định là 800.000 đồng, khi nhận tiền ông có ký nhận và được những người cùng nhận tiền khi đó chứng kiến. Trong thời gian làm nhà và cư trú tại đây, gia đình ông không bị ai đến cản trở hay khiếu nại, tranh chấp gì. Năm 2002, khi mưa bão làm căn nhà tốc mái, chính quyền địa phương có đến kiểm tra và hỗ trợ cho gia đình ông 04 tấm tôn để lợp lại, đến năm 2005, gió bão đánh sập căn nhà hoàn toàn nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông chưa xây dựng lại căn nhà.

Trong thời gian đó, ông tạm thời về lại nhà cũ ở, còn thửa đất thì ông cho ông Võ Xuân D (là Chủ tịch xã lúc bấy giờ) mượn trồng cỏ sữa trong khoảng 02 năm, từ năm 2005-2007, sau đó bỏ trống. Đến năm 2009, các hộ dân ở gần thửa đất báo tin cho ông biết bà Phạm Thị T đến xây nhà trên thửa đất của ông thì ông lập tức

đến ngăn cản, không cho bà T làm nhà. Lúc này, ông mới biết Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất của gia đình ông. Thời điểm đó, UBND xã A mời hai bên đến giải quyết, tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và không cho ông khiếu nại vượt cấp. Về phía bà T, do bị gia đình ông ngăn cản, tranh chấp nên bà T không trực tiếp sử dụng đất mà cho vợ chồng ông Lê Văn H (P), bà Trần Thị L1 mượn sử dụng canh tác hoa màu. Trên thửa đất hiện nay, ông H, bà L1 có dựng trụ bê tông, kéo lưới B40, ngoài ra, còn có hàng đá chẻ do bà T chôn khi làm nhà năm 2009.

Thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư Thôn Đông A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi là đất có nguồn gốc do Nhà nước cấp cho gia đình ông theo dự án giãn dân 773. Tại thửa đất này, gia đình ông đã xây dựng nhà ở và sử dụng liên tục, công khai, không có tranh chấp với ai nhưng UBND huyện L lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông, vi phạm pháp luật của Nhà nước về quản lý đất đai. Từ khi xảy ra tranh chấp với bà Phạm Thị T vào năm 2009 cho đến nay, gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương huyện L xử lý vụ việc nhưng đều không được giải quyết. Do đó, ông T, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Phạm Thị T tháo dỡ tài sản, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị L1 tháo dỡ tài sản, thu hoạch cây để bà Phạm Thị T trả lại quyền sử dụng thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Trần T và bà Phan Thị L.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 872169 do UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/10/2010 cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại đơn trình bày ngày 06/01/2020 và đơn trình bày ý kiến ngày 28/02/2020, và tại phiên toà, bà Phạm Thị T là bị đơn trình bày:

Dự án cấp đất thổ cư vùng trải dân theo dự án 773 năm 2000 tại xã L, huyện L do Nhà nước thông báo, quy định ưu tiên cho những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Lúc đó, hoàn cảnh gia đình bà mẹ góa con côi, không có chồng, có 01 người con là Đinh Thị Thủy, ở chung với cha mẹ ruột. Vì vậy, năm 2000, bà có làm đơn xin Nhà nước cấp đất thổ cư, sau đó, xã có mời họp và xét duyệt cấp cho bà thửa đất thổ cư ở xã L (nay là xã A), huyện L với diện tích 120m². Việc Nhà nước hỗ trợ 800.000 đồng cho các hộ dân được cấp đất bà không biết rõ, bà bốc thăm nhận đất nhưng không làm nhà vì lúc đó hoàn cảnh khó khăn. Sau đó, bà biết ông Trần T, bà Phan Thị L có làm nhà trên thửa đất của bà để chạy máy phát điện nhưng do ông không xây dựng kiên cố nên bà không cản trở, yêu cầu ông T, bà L phải dỡ bỏ. Ngày 10/8/2005, UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà

tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 02, Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A, huyện L diện tích 120m², loại đất ở nông thôn. Đến ngày 14/10/2010, UBND huyện L cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, biến động thành thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, diện tích 140,4m², loại đất ở nông thôn.

Gia đình ông Trần T, bà Phan Thị L không thuộc đối tượng cấp đất, không bốc thăm nhận đất, việc ông Trần T nhận 800.000 đồng mà Nhà nước hỗ trợ là sai quy định. D sách cấp đất trái dân 773 có tẩy xóa, sửa chữa tên trong bản phô tô, không có bản chính danh sách nên bà yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T, bà Phan Thị L vì Nhà nước đã cấp đất cho bà là đúng.

Tại Đơn xin báo cáo đề ngày 28/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H (P), bà Trần Thị L1 trình bày:

Đất thổ cư 120m² ở khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A, huyện L được Nhà nước cấp cho bà Phạm Thị T, do bà T chưa làm nhà nên ông, bà hỏi bà T để trồng hoa màu, mấy năm trước trồng hành tỏi nhưng không được, hiện nay vợ chồng ông, bà trồng bắp, chuối và củ tía, đất bà T cho làm không trả tiền công, chỉ trả một ít hoa màu sau khi thu hoạch.

Tại Công văn số 23/UBND ngày 07/01/2020, Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Năm 2005, bà Phạm Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 06/9/2005, và có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, được UBND xã A xác nhận nên UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/2005 tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 2 xã A, diện tích 120m². Đến năm 2010, thực hiện dự án VLAP đo đạc cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 14/10/2010, UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 xã A diện tích 140,4m² cho bà Phạm Thị T. UBND huyện L không thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BD 872169, số vào sổ CH 00195 ngày 14/10/2010 đã cấp cho bà Phạm Thị T theo yêu cầu của ông Trần T và bà Phan Thị L.

Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị T:

Bà T có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo nên thuộc diện được cấp đất giãn dân. Bà tham gia các cuộc họp của xã khi xét duyệt cấp đất, bà T đã bốc thăm nhận đất, thửa đất bà T bốc thăm được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, thửa đất số 404, tờ bản đồ số 2, diện tích 120m², xã A, đến năm 2010, UBND huyện L cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, diện tích 140,4m². Do đó, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Trần T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 1993, Điều 122 Luật Đất đai 2003, Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTW.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Phạm Thị T phải giao trả lại cho ông Trần T, bà Phan Thị L quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T ngày 14/10/2000, diện tích 140,4m², diện tích đo đạc thực tế là 145,8m². Có tứ cận: Phía Đông giáp nhà dân, phía Tây giáp với đất trống, phía Nam giáp đường bê tông 1,5m, phía Bắc giáp núi Sỏi.

- Buộc bà Phạm Thị T phải tháo dỡ hàng đá đen và buộc ông Lê Văn H (P), bà Trần Thị L1 phải tháo dỡ hàng rào kéo lưới B40, trụ bê tông trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi để giao trả lại đất cho ông Trần T, bà Phan Thị L

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 872169, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00195 do UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/10/2010 cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần T, bà Phan Thị L có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), bà Phạm Thị T phải chịu, ông Trần T, bà Phan Thị L đã nộp đủ nên buộc bà Phạm Thị T phải hoàn trả cho ông Trần T, bà Phan Thị L số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/8/2020, bị đơn - bà Phạm Thị T kháng cáo cho rằng: Bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần T và bà Phan Thị L để buộc bà Phạm Thị T phải giao trả lại cho ông Trần T, bà Phan Thị L quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số

11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T ngày 14/10/2000, diện tích 140,4m², diện tích đo đạc thực tế là 145,8m². Có tứ cận: Phía Đông giáp nhà dân, phía Tây giáp với đất trống, phía Nam giáp đường bê tông 1,5m, phía Bắc giáp núi Sỏi là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần T và bà Phan Thị L; Ngày 01/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1251/QĐ-VKS kháng nghị toàn bộ Bản án số 33/2020/DS – ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và đề nghị sửa Bản án số 33/2020/DS –ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T vào ngày 14/10/2010.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Kiểm sát viên không rút quyết định kháng nghị; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Bị đơn và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án sơ thẩm số 33/2020/DS–ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T vào ngày 14/10/2010.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị: Sửa Bản án số 33/2020/DS –ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện L

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T vào ngày 14/10/2010 thì thấy:

[1.1]. Các bên đều thừa nhận, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi là đất Nhà nước cấp giãn dân theo Quyết định số 773TTg ngày 21/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 33/2000/QĐ-UB Ngày 26/4/2000 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v giao chỉ tiêu kế hoạch phân khai di giãn dân; theo quyết định này thì UBND huyện L được giao chỉ tiêu kế hoạch di giãn dân năm 2000 theo dự án 773.

Để triển khai việc cấp đất cho các hộ dân tại xã L theo diện giãn dân thì có các tài liệu sau:

- Biên bản họp số hộ xin đất nhà ở ngày 30/8/2000, thành phần họp gồm đại diện UBND xã L, Ban địa chính xã, cán bộ Chi cục Định canh định cư và Vùng Kinh tế mới, trong Biên bản này thì danh sách của xã L tổng cộng có 20 hộ, có hộ bà Phạm Thị T số thứ tự 01, không có hộ ông Trần T (bl 559).

- Biên bản cấp đất thổ cư vùng trải dân ngày 26/9/2000 do UBND xã L tổ chức tại Ban địa chính xã L, thành phần mời 20 hộ, hộ bà T số thứ tự 02 (bl 558). Khi bốc thăm chọn thửa đất theo sơ đồ quy hoạch, hộ bà T bốc thăm lô số 6 (bl 556, 337) có 15 hộ bốc thăm, bà Phạm Thị T số thứ tự bốc thăm số 6 nhưng không có ký nhận. Không có hộ ông Trần T.

[1.2] Hộ ông Trần T không được xét cấp đất nên không có tên trong Biên bản họp cấp đất, cũng không có tên trong danh sách bốc thăm để nhận đất theo sơ đồ phân lô. Ông T được nhận đất và nhận 800.000 đồng tiền hỗ trợ theo dự án là do một số cán bộ xã cho rằng bà T không nhận đất được cấp nên đã điền tên ông T vào nhận lô đất cấp cho bà T là không đúng quy định về việc xét cấp đất và bốc thăm nhận đất được ghi nhận tại các Biên bản ngày 30/8/2000, Biên bản ngày 26/9/2000.

[1.3]. Từ những căn cứ trên, có cơ sở để khẳng định hộ bà Phạm Thị T đã được cấp có thẩm quyền xét cấp đất giãn dân vào ngày 30/8/2000 và cũng đã tiến hành bốc thăm nhận lô đất. Việc bà T không ký vào cột ký nhận đất sau khi bốc thăm không làm thay đổi việc bà T được cấp đất và được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 02, diện tích 120m².

Do bà T được cấp đất và đã bốc thăm nhận đất nên ngày 10/08/2005, UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 02, diện tích 120m² và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 872169, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00195 ngày 14/10/2010 cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 37 và

khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và Quyết định kháng nghị số 1251/QĐ-VKS ngày 01/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2]. Do sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần T và bà Phan Thị L về việc: Buộc bà Phạm Thị T phải giao trả lại cho ông Trần T, bà Phan Thị L quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 872169, số vào sổ cấp GCN: CH 00195 do UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/10/2010 cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi nên ông Trần T và bà Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Phạm Thị T, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 1252/QĐ-VKS Ngày 01/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS –ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần T và bà Phan Thị L về việc: Buộc bà Phạm Thị T phải giao trả lại cho ông Trần T, bà Phan Thị L quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16 tại Khu dân cư số 11, thôn Đông, xã A (nay là Khu dân cư Thôn Đông A) huyện L, tỉnh Quảng Ngãi và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 872169, số vào sổ cấp GCN: CH 00195 do UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/10/2010 cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 16 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về chi phí tố tụng là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) ông Trần T, bà Phan Thị L phải chịu. Ông Trần T, bà Phan Thị L đã nộp đủ số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Án phí sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần T và bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004774 ngày 25/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0006031 ngày 04/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ, Phòng HCTP; HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến